

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **WOORI CBV SECURITIES CORPORATION**
- Tên viết tắt: **WOORI CBV**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 do Sở KH&ĐT cấp ngày 18 tháng 12 năm 2006 .
- Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2017): 135.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 135.000.000.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18 tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành – Đống Đa – Hà Nội.
- Điện thoại: 04.39413369 Fax: 04.39410248
- E-mail: Support@wooricbv.com
- Website: www.wooricbv.com

Quá trình hình thành và phát triển

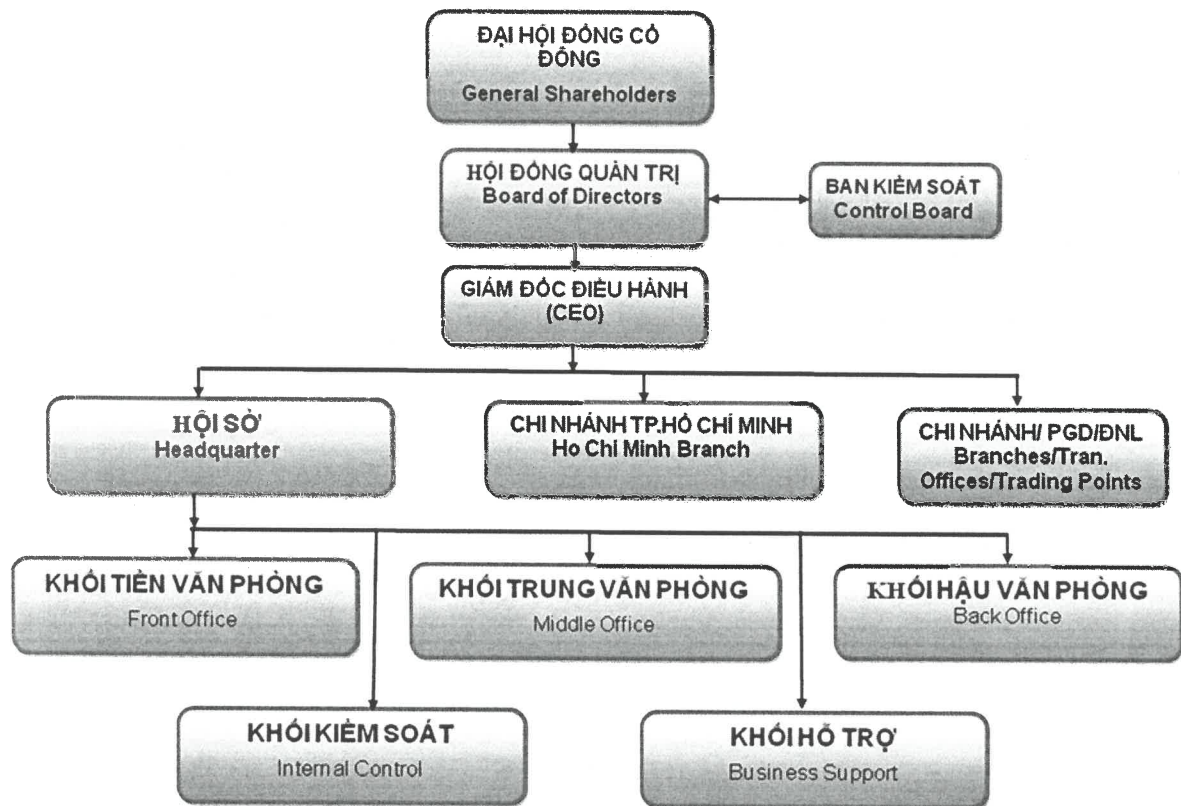
Quá trình hình thành:

- Công ty Cổ phần chứng khoán Woori CBV (tiền thân là Công ty cổ phần chứng khoán Biển Việt) được thành lập ngày 18 tháng 12 năm 2006, theo giấy phép kinh doanh số 0103015053 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK – GPHĐKD ngày 28/12/2006 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.
- Ngày 03/03/2008, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK – GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Ngày 10/03/2009, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK – GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.
- Theo Quyết định số 47/QĐ – UBCK ngày 06/02/2009, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài – Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).
- Theo Quyết định số 522/QĐ – UBCK ngày 19/08/2009, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài – Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).
- Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK – GP của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Quá trình phát triển:

- Năm 2006, Công ty CP Chứng khoán Woori CBV (Woori CBV) tham gia Hiệp Hội Kinh doanh Chứng khoán Quốc Tế ISITC-IOA và là thành viên đầu tiên của Hiệp hội này tại Việt Nam.

- Năm 2007, Woori CBV cho ra đời Bộ chỉ số CBV – index. Đây là Bộ chỉ số đầu tiên và lớn nhất về thị trường tài chính tại Việt Nam.
 - Từ năm 2008, Công ty CP Chứng khoán Woori CBV đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 (chứng nhận bởi tổ chức quốc tế Bureau Veritas –UKAS của Vương Quốc Anh).
 - Tháng 5/2010, Woori CBV bắt đầu triển khai giao dịch chứng khoán trực tuyến trên hệ thống phần mềm mới – Mug Café. Đây là hệ thống giao dịch trực tuyến được nhập khẩu hoàn toàn từ Hàn Quốc; tích hợp hệ thống IT liên hoàn từ giao dịch mua bán, đôn bẩy tài chính, kiểm soát phí đến các hoạt động xử lý sau giao dịch và kế toán cuối cùng.
 - Tháng 12/2010, Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV giới thiệu dịch vụ mới, quản lý sổ cổ đông trực tuyến dành cho các tổ chức phát hành và cổ đông.
 - Tháng 04/2011, Woori CBV tự hào là một trong ba công ty Chứng khoán được trao tặng danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam 2010.
 - Tháng 3/2013, Woori CBV là công ty chứng khoán duy nhất được trao tặng giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2012.
 - Tháng 3/2014, Woori CBV tự hào là một trong những công ty chứng khoán được trao tặng danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam 2013.
 - Quyết định số 209/QĐ-HĐQT ngày 20/11/2017 về việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc và người đại diện theo pháp luật của công ty đối với ông Vũ Đức Nghĩa kể từ ngày 20/11/2017. Miễn nhiệm chức vụ giám đốc chi nhánh HCM đối với ông Vũ Đức Nghĩa kể từ ngày 20/11/2017. Miễn nhiệm người đứng tên chủ tài khoản Bà Võ Thị Hồng Vân kể từ ngày 20/11/2017. Bổ nhiệm ông Jin Woo Hyun giữ chức Tổng Giám Đốc ,người đại diện theo pháp luật và đứng tên chủ tài khoản của công ty kể từ ngày 20/11/2017.
2. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- Ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.
 - Địa bàn kinh doanh: Trên lãnh thổ Việt Nam.
3. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**
- Mô hình quản trị:



Đại hội cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của WOORI CBV quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ WOORI CBV quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của WOORI CBV và ngân sách cho năm tiếp theo. Đại hội cổ đông sẽ bầu ra hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát của WOORI CBV

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh WOORI CBV quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của WOORI CBV trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, điều lệ, các quy chế nội bộ của WOORI CBV và nghị quyết đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) quy định

Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động điều hành kinh doanh, báo cáo tài chính của WOORI CBV. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và ban tổng giám đốc (BTGD)

Ban Tổng giám đốc: Công ty cổ phần chứng khoán Woori CBV được điều hành bởi Ban Tổng giám đốc gồm 01 Tổng Giám Đốc và 01 Phó Tổng Giám Đốc. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm điều hành các công việc hàng ngày của WOORI CBV và chịu trách nhiệm trước HĐQT về các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng giám đốc là người trợ giúp cho Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và chủ động giải quyết các công việc được Tổng giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của WOORI CBV

Hiện tại công ty được chia thành 05 Khối, 01 Ban, 01 Hội sở chính tại Hà Nội và 01 chi nhánh tại TP.HCM.

4. Định hướng phát triển

- Mục tiêu:

WOORI CBV định hướng chiến lược trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam trong các lĩnh vực dịch vụ ngân hàng đầu tư (Investment Banking), dịch vụ môi giới bán lẻ, trên nền tảng hệ thống công nghệ hiện đại, nghiệp vụ chuyên nghiệp có kiểm soát chặt chẽ về chất lượng và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên dịch vụ, song song đi kèm cung cấp dịch vụ phân tích chứng khoán và các dịch vụ khác, luôn giữ vững là đối tác hàng đầu tại Việt Nam của các tổ chức tài chính quốc tế.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Đưa Woori CBV trở thành công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam, sánh vai với các tập đoàn tài chính hàng đầu trên thế giới. Công ty luôn trân trọng giá trị đích thực – tài sản quý giá nhất của công ty đó là con người. Công ty luôn coi lợi ích của khách hàng là ưu tiên hàng đầu; liên tục cải tiến hoạt động trên nhiều phương diện, nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng tư vấn, dịch vụ với đội ngũ chuyên gia hàng đầu trong ngành để đưa công ty trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, sánh vai với các tập đoàn tài chính hàng đầu trên thế giới.

- Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng công ty:

Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, tham gia xây các hoạt động từ thiện nhằm chung tay góp sức xây dựng cộng đồng xanh, tươi đẹp trong tương lai.

5. Các rủi ro

Các rủi ro có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty là: rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động và rủi ro pháp lý. Trong đó:

- **Rủi ro thị trường:** là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi, ví dụ như sự giảm giá chứng khoán. Trong rủi ro thị trường, Công ty chịu ảnh hưởng bởi rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá cổ phần. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn, và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty. Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.
- **Rủi ro thanh toán:** là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Công ty có rủi ro thanh toán chủ yếu đối với

các khoản phải thu khách hàng và từ tiền gửi ngân hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro thanh toán từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty

- **Rủi ro thanh khoản:** là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức đủ để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.
- **Rủi ro hoạt động:** là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.
- **Rủi ro pháp lý:** là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Ý thức được sự nhạy cảm và mức độ rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, Woori CBV đã xây dựng dựng một hệ thống quản trị rủi ro bao gồm một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh, một cơ chế vận hành thống nhất bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý được các loại rủi ro có thể gặp phải như trên.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2017, các cổ đông Việt Nam đã chuyển nhượng gần như toàn bộ phần vốn góp của mình cho cổ đông nước ngoài là Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH. Trong quá trình chuyển nhượng này, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khá đình trệ dẫn tới doanh thu công ty chỉ đạt được 2.510.078.571VNĐ, giảm 59.6% so với cùng kỳ năm trước.

Đồng thời trong quá trình chuyển nhượng, các vấn đề còn tồn đọng trong sản xuất kinh doanh trước đây được yêu cầu giải quyết triệt để như hoàn thành và nghiệm thu các công trình xây dựng cơ bản dở dang thành tài sản cố định, bảo trì các phần mềm hàng năm... dẫn tới chi phí hoạt động kinh doanh tăng đột biến, kéo theo lỗ của Công ty trong năm 2017 tăng đột biến và đang ghi nhận mức lỗ trên báo cáo kiểm toán là: (24.248.860.402)VNĐ, tăng 263,79% so với cùng kỳ năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách ban điều hành từ 01/01/2017-20/11/2017

STT	Họ và Tên	CMND	Địa chỉ
1	Vũ Đức Nghĩa	012037628	59 Đỗ Quang - P.Trung Hoà - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
2	Nguyễn Văn Quang	012532388	140 Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Thanh Trung, Hà Nội

3. Danh sách ban điều hành từ 20/11/2017-31/12/2017

STT	Họ và Tên	CMND/Hộ chiếu	Địa chỉ
1	Jin Woo Hyun	M53732736	5104 Khu căn hộ dịch vụ Calidas của Tòa Nhà Keangnam 72 Mễ Trì Từ Liêm, Hà Nội.
2	Nguyễn Văn Quang	012532388	140 Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Thanh Trung, Hà Nội

Tiến sĩ Vũ Đức Nghĩa – Tổng Giám đốc: Cùng với sự hỗ trợ của các thành viên Hội đồng Chỉ số Việt Nam, ông là người sáng lập và đầu tiên xây dựng hệ thống chỉ số Vietnam Securities Indexes, Vietnam Bond Indexes, Vietnam Investor Confidence Indexes và nhiều chỉ số khác. Được đào tạo tại Trường Quản trị Kinh doanh Harvard và Trường Quản lý Hành chính công Harvard Kennedy - thuộc Đại học Harvard - Mỹ, ông cũng là tác giả của cuốn sách "Chỉ số & Đầu tư chứng khoán" cùng với GS.TS Nguyễn Văn Nam và PGS.TS Tô Ngọc Hưng. Là cổ đông sáng lập, ông Vũ Đức Nghĩa hiện là Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị của Woori CBV.

Thạc sĩ Nguyễn Văn Quang – Quyền phó tổng giám đốc: Là cử nhân kinh tế của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Ông cũng là thạc sĩ quản trị kinh doanh được đào tạo tại trường Đại học James Cook Úc. Ông Nguyễn Văn Quang là Quyền phó tổng giám đốc của Woori CBV.

Cử nhân Jin Woo Hyun – Tổng Giám Đốc: Tốt nghiệp trường đại học ngoại ngữ Hankuk, là cử nhân quản trị kinh doanh/cơ khí điện tử

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tính đến ngày 31/12/2017, Số lượng cán bộ nhân viên toàn Công ty là 28 người.

Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, luôn quan tâm chăm sóc động viên cán bộ nhân viên khi đau ốm và trong một số trường hợp đặc biệt.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2017, Công ty đã giảm mạnh giải ngân với tỷ trọng khá lớn đầu tư vào lĩnh vực tài chính cả ngắn hạn và dài hạn. Đến thời điểm 31/12/2017, số dư hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn là 893.445.875 đ và số dư hoạt động đầu tư tài chính dài hạn là 0 đ.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	%tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	132.853.486.666	106.358.069.186	(19,94)%
Doanh thu thuần	6.212.515.110	2.510.078.571	(59,6)%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(6.782.347.336)	(24.765.860.769)	(265,15)%
Lợi nhuận khác	116.712.313	544.634.616	366,65%
Lợi nhuận trước thuế	(6.665.635.023)	(24.221.226.153)	(263,37)%
Lợi nhuận sau thuế	(6.665.635.023)	(24.248.860.402)	(263,79)%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<p><i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn</p>	22,09	28,65	Lần
<p><i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản</p> <p>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</p>	0,03	0,02	Lần
<p><i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân</p> <p>+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản</p>	2,36	4,68	%
<p><i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</p>	(107,29)	(966,06)	%
	(5,18)	(232,37)	%

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(5,01)	(227,99)	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(109,17)	(986,66)	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 20/11/2017

STT	Cổ đông	Số vốn góp (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty TNHH đầu tư và chứng khoán NH	66150.00	49%
2	Võ Thị Hồng Vân	13052.75	9,67%
3	Lâm Đức Trường	8695.9	6,44%
4	Vũ Đức Thi	12889.11	9,55%
5	Võ Lê Nam	12781.73	9,47%
5	Cổ đông khác	21430.51	15,87%

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn/ thành viên góp vốn trong nước

STT	Cổ Đông	Tỷ lệ vốn góp	Số vốn góp (VND)
1	Tổ chức	0%	0
2	Cá nhân	51%	68.850.000.000

- Cổ đông/ thành viên góp vốn nước ngoài

STT	Cổ Đông	Tỷ lệ vốn góp	Số vốn góp (VND)
1	Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH	49%	66.150.000.000

- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 22/11/2017

STT	Cổ đông	Số vốn góp (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty TNHH đầu tư và chứng khoán NH	129.800	96.15%
2	Cổ đông khác	5.200	3.85%

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn/ thành viên góp vốn trong nước

STT	Cổ Đông	Tỷ lệ vốn góp	Số vốn góp (VND)
1	Tổ chức	0%	0
2	Cá nhân	3.85%	5.200.000.000

- Cổ đông/ thành viên góp vốn nước ngoài

STT	Cổ Đông	Tỷ lệ vốn góp	Số vốn góp (VND)
1	Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH	96.15%	129.800.000.000

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:* Nhà nước ta đã ban hành luật bảo vệ môi trường cùng những quy định, thủ tục đi kèm để bảo vệ và cải tạo môi trường nhằm tránh những tác động, hậu quả xấu có thể xảy ra trong tương lai, để lại môi trường trong lành cho thế hệ sau tồn tại và phát triển, mỗi doanh nghiệp cần nhận thức được đó là bảo vệ cho cuộc sống, sức khỏe của chính chúng ta hiện tại. Môi trường là ngôi nhà chung của con người và các sinh vật khác, chúng ta làm việc tối thiểu 8 tiếng mỗi ngày đồng nghĩa với việc tối thiểu 1/3 thời gian một ngày chúng ta sống trong môi trường làm việc và sức khỏe chúng ta hoàn toàn phụ thuộc vào điều kiện môi trường nơi đây. Nhận thức được tầm quan trọng đó, công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, tham gia xây các hoạt động từ thiện nhằm chung tay góp sức xây dựng cộng đồng xanh, tươi đẹp trong tương lai.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty luôn tuân thủ đúng với quy định, chưa có lần xử phạt vi phạm nào.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Do chưa bị xử phạt vi phạm lần nào nên số tổng số tiền bị xử phạt không có.

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động:* Luôn được công ty quan tâm động viên kịp thời.

a) Số lượng lao động: Tính đến ngày 31/12/2017, Số lượng cán bộ nhân viên toàn Công ty là 28 người. Mức lương trung bình đối với người lao động là: 5.000.000 đến 9.000.000/ tháng

b) Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, luôn quan tâm chăm sóc động viên cán bộ nhân viên khi đau ốm và trong một số trường hợp đặc biệt. Người lao động làm việc tại Woori CBV được hưởng đầy đủ mọi chế độ quyền lợi theo quy định của pháp luật: Luật BHYT, chế độ thai sản, chế độ nuôi con nhỏ, chế độ lao động nữ, chế độ nghỉ lễ tết, chế độ phép... và các quy định của nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Bất kỳ nhân viên mới nào cũng trải qua khóa đào tạo hội nhập bao gồm: Giới thiệu tổng quan về công ty, văn hóa công ty, sơ đồ tổ chức, thăm quan công ty, hướng dẫn phương tiện và điều kiện làm việc, lập bảng mô tả công việc cho nhân viên mới, giao nhiệm vụ cho nhân viên mới và hướng dẫn nội dung liên quan đến các công việc được giao...

Người lao động luôn có cơ hội bổ nhiệm vào các chức vụ quản lý theo năng lực cá nhân. Công ty khuyến khích và tài trợ kinh phí cho cán bộ công nhân viên được học tập nâng cao nghiệp vụ, tay nghề trong và ngoài nước.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 2304h/ nhân viên

- Phân loại nhân viên: Cấp quản lý, cấp chuyên viên, cấp học việc.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Căn cứ vào nhu cầu đào tạo của công ty, căn cứ định hướng phát triển và quy hoạch cán bộ, phòng HCNS cùng với các bộ phận chuyên môn xác định nhu cầu đào tạo trong năm. Đối với các bộ phận có nhu cầu đào tạo nhân viên đột xuất thì trưởng bộ phận làm đề nghị trình Tổng giám đốc phê duyệt và xem xét phê duyệt.

Sau khi kế hoạch đào tạo đã được Tổng giám đốc phê duyệt phòng HCNS phối hợp với các bộ phận xác định các chương trình đào tạo để phát triển kỹ năng cho người lao động cụ thể:

- + Lên lịch đào tạo
- + Thời gian, địa điểm đào tạo
- + Danh sách người tham gia đào tạo
- + Nội dung đào tạo
- + Kinh phí tham gia đào tạo
- + Kết quả đào tạo

Công ty thường xuyên khuyến khích và yêu cầu nhân viên củng cố các kiến thức đã học được, cách thức thực hiện công việc ngay trong quá trình làm việc.

Ngoài ra công ty còn có chương trình hướng dẫn tại chỗ: Đây là hình thức phổ biến nhất. Thường được áp dụng để đào tạo nhân viên vận hành máy, các chuyên viên, nhân viên bán hàng hoặc đào tạo các trợ lý, các cấp quản lý thành các quản trị gia cấp cao của doanh nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Đứng trước thách thức phải phát triển bền vững và tạo ra tác động tổng thể tích cực đến cộng đồng địa phương Woori CBV luôn có các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác:

Chúng tôi cam kết hoạt động vì sự phát triển của cộng đồng, nơi chúng tôi sống và làm việc. Ý thức được tác động mà doanh nghiệp chúng tôi có thể gây ra cho cộng đồng địa phương, chúng tôi định hướng sẽ:

Chúng tôi luôn tham gia hoạt động từ thiện: Ủng hộ các phong trào địa phương, chúng tôi luôn kêu gọi và khuyến khích nhân viên tập đoàn tham gia vào các công tác xã hội và các hoạt động từ thiện. Chúng tôi sẵn sàng dành thời gian và kinh nghiệm để hỗ trợ miễn phí cho các tổ chức xã hội vì cộng đồng và các tổ chức tình nguyện.

Chúng tôi mong muốn xây dựng các mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp và hỗ trợ cho hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và các doanh nghiệp địa phương. Trong các hoạt động từ thiện, chúng tôi mong muốn được hợp tác với các tổ chức từ thiện và tạo ra mối quan hệ hợp tác lâu dài phù hợp với các giá trị kinh doanh của chúng tôi.

Mười năm có mặt trên thị trường, Woori CBV đã tích lũy được nhiều giá trị cần thiết để xây dựng một nền tảng hoạt động vững vàng. Thay vì chạy đua cạnh tranh để nhanh chóng tạo thị phần nhưng dễ đối diện với rủi ro, công ty này chọn hướng cạnh tranh bằng chiều sâu.

Từ số vốn điều lệ 25 tỷ đồng ngày đầu, đều đặn qua các năm, năng lực tài chính của Woori CBV đã được nâng cao với quy mô 135 tỷ đồng. Xuyên suốt quá trình hoạt động, chiến lược hoạt động của công ty được xác định rõ: tạo những bước đi khác biệt trong cung cấp sản phẩm, dịch vụ chuyên biệt trên thị trường.

Thay vì cạnh tranh quyết liệt về phí dịch vụ, cung cấp các đòn bẩy tài chính hấp dẫn để nắm thị phần nhưng nhiều rủi ro, Woori CBV từng bước thiết lập vị trí của mình bằng các sản phẩm chuyên sâu và riêng có. Ngay từ năm 2007, Woori CBV đã giới thiệu và cung cấp Bộ chỉ số Vietnam Securities Indexes (VSI), Vietnam Finance Indexes (VFI) trên thị trường chứng khoán Việt Nam và thế giới nhằm phục vụ nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước. VSI là bộ chỉ số đầu tiên bao gồm tất cả các cổ phiếu niêm yết trên hai Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội, là bộ chỉ số Việt Nam đầu tiên được Bloomberg tài trợ và giới thiệu tới các tổ chức tài chính toàn cầu. VFI là bộ chỉ số tài chính đa dạng nhất và lớn nhất Việt Nam hiện nay với hơn 450 loại chỉ số cổ phiếu, 50 loại chỉ số trái phiếu, 30 loại chỉ số quỹ và hơn 50 các loại chỉ số khác. Bộ chỉ số này đã đánh dấu một thế mạnh nổi bật của Woori CBV cho đến nay.

Chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cấp, được khách hàng khá hài lòng

Các quy trình nghiệp vụ được cải tiến hoàn thiện hơn, giúp chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao và giúp Công ty kiểm soát được rủi ro, trong năm 2017 Công ty không phát sinh thêm khoản nợ xấu .

Cơ sở hạ tầng và phần mềm dịch vụ được nâng cấp liên tục : dịch vụ tại sàn, qua điện thoại, trực tuyến,..... Công ty đang sử dụng phần mềm kinh doanh chứng khoán được nhập khẩu từ Hàn Quốc với giá trị rất lớn (theo đánh giá của 1 thành viên HĐQT Sở giao dịch chứng khoán Hàn Quốc, thì đây là một trong những phần mềm kinh doanh chứng khoán hàng đầu Châu Á), đảm bảo phục vụ tốt nhất các hoạt động của nhà đầu tư, tạo ra được các tiện ích cho nhà đầu tư , đồng thời giảm thiểu đáng kể các sai sót do con người.

Xây dựng được văn hóa doanh nghiệp hướng về khách hàng, đoàn kết và thực hiện nghiêm túc các quy định ngành.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCK

Công ty trong năm qua không tham gia vào thị trường vốn xanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	1	VI.14	2.510.078.571	6.212.515.110
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		2.510.078.571	6.212.515.110
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.15	11.203.956.862	5.865.596.452
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(8.779.378.291)	346.918.658
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.16	15.986.482.478	7.129.265.994
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(24.765.860.769)	(6.782.347.336)
8. Thu nhập khác	31	VI.17	582.995.237	126.966.944
9. Chi phí khác	32	VI.18	38.360.621	10.254.631
10. Lợi nhuận khác	40		544.634.616	116.712.313
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(24.765.860.769)	(6.665.635.023)
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.19	27.634.249	
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52			
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(24.248.860.402)	(6.665.635.023)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.796)	(494)

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Mười năm có mặt trên thị trường, Woori CBV đã tích lũy được nhiều giá trị cần thiết để gây dựng một nền tảng hoạt động vững vàng. Thay vì chạy đua cạnh tranh để nhanh chóng tạo thị phần nhưng dễ đổi diện với rủi ro, công ty này chọn hướng cạnh tranh bằng chiều sâu.

Từ số vốn điều lệ 25 tỷ đồng ngày đầu, đều đặn qua các năm, năng lực tài chính của Woori CBV đã được nâng cao với quy mô 135 tỷ đồng. Xuyên suốt quá trình hoạt động, chiến lược hoạt động của công ty được xác định rõ: tạo những bước đi khác biệt trong cung cấp sản phẩm, dịch vụ chuyên biệt trên thị trường.

Thay vì cạnh tranh quyết liệt về phí dịch vụ, cung cấp các đòn bẩy tài chính hấp dẫn để nắm thị phần nhưng nhiều rủi ro, Woori CBV từng bước thiết lập vị trí của mình bằng các sản phẩm chuyên sâu và riêng có. Ngay từ năm 2007, Woori CBV đã giới thiệu và cung cấp Bộ chỉ số Vietnam Securities Indexes (VSI), Vietnam Finance Indexes (VFI) trên thị trường chứng khoán Việt Nam và thế giới nhằm phục vụ nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước. VSI là bộ chỉ số đầu tiên bao gồm tất cả các cổ phiếu niêm yết trên hai Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội, là bộ chỉ số Việt Nam đầu tiên được Bloomberg tài trợ và giới thiệu tới các tổ chức tài chính toàn cầu. VFI là bộ chỉ số tài chính đa dạng nhất và lớn nhất Việt Nam hiện nay với hơn 450 loại chỉ số cổ phiếu, 50 loại chỉ số trái phiếu, 30 loại chỉ số quỹ và hơn 50 các loại chỉ số khác. Bộ chỉ số này đã đánh dấu một thế mạnh nổi bật của Woori CBV cho đến nay.

Chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cấp, được khách hàng khá hài lòng

Các quy trình nghiệp vụ được cải tiến hoàn thiện hơn, giúp chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao và giúp Công ty kiểm soát được rủi ro, trong năm 2017 Công ty không phát sinh thêm khoản nợ xấu .

Cơ sở hạ tầng và phần mềm dịch vụ được nâng cấp liên tục : dịch vụ tại sàn, qua điện thoại, trực tuyến,..... Công ty đang sử dụng phần mềm kinh doanh chứng khoán được nhập khẩu từ Hàn Quốc với giá trị rất lớn (theo đánh giá của 1 thành viên HĐQT Sở giao dịch chứng khoán Hàn Quốc, thì đây là một trong những phần mềm kinh doanh chứng khoán hàng đầu Châu Á), đảm bảo phục vụ tốt nhất các hoạt động của nhà đầu tư, tạo ra được các tiện ích cho nhà đầu tư , đồng thời giảm thiểu đáng kể các sai sót do con người.

Xây dựng được văn hóa doanh nghiệp hướng về khách hàng, đoàn kết và thực hiện nghiêm túc các quy định ngành.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản và nợ phải trả thể hiện qua báo cáo tình hình tài chính tại 31/12/2017 của công ty như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		57,364,491,787	93,858,660,243
I. Tài sản tài chính	110		54,972,918,127	91,572,475,709

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	7.1	48,428,505,399	16,867,081,097
1.1. Tiền	111.1		48,428,505,399	15,473,081,097
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	1,394,000,000
2. Các tài sản TC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	112	7.3.2	893,445,875	12,832,453,764
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.3.2	-	21,178,000,000
4. Các khoản cho vay	114	7.3.4	861,397,059	1,322,592,277
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	7.3.2	-	18,024,000,000
6. Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC và TS thế chấp	116	7.3.5	(33,283,117)	(3,593,170,676)
7. Các khoản phải thu	117	7.5.2	-	7,839,812,029
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	7,118,443,500
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		-	721,368,529
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
Trong đó: Phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận được	117.3.1		-	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		-	721,368,529
8. Trả trước cho người bán	118	7.5.8	4,256,898,748	16,759,635,961
9. Phải thu các dịch vụ công ty CK cung cấp	119	7.5.5	4,193,439,091	4,278,872,436

10. Phải thu nội bộ	120		-	-
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12. Các khoản phải thu khác	122	7.5.7	987,567,035	268,838,232
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	7.6	(4,615,051,963)	(4,205,639,411)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		2,391,573,660	2,286,184,534
1. Tạm ứng	131		1,919,806,969	2,055,008,310
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.8.a	6,473,061	16,910,955
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		-	-
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		371,063,949	97,898,013
6. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	136	7.30.b	12,581,086	34,718,661
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		81,648,595	81,648,595
8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138			
9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48,993,577,399	38,994,826,423
I. Tài sản tài chính dài hạn	210			

			-	85,500,000
1. Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2. Các khoản đầu tư	212		-	85,500,000
2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2. Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	85,500,000
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4	7.3.2b	-	-
II. Tài sản cố định	220		37,698,478,725	21,580,614,396
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.10	1,901,411,162	2,164,210,356
- Nguyên giá	222		5,144,552,754	5,552,668,944
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223a		(3,243,141,592)	(3,388,458,588)
- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226a		-	-
- Đánh giá TSCĐTTC theo giá trị hợp lý	226b		-	-

3. Tài sản cố định vô hình	227	7.11	35,797,067,563	19,416,404,040
- Nguyên giá	228		45,427,739,214	27,186,576,214
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229a		(9,630,671,651)	(7,770,172,174)
- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232a		-	-
- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		9,655,614,363	15,729,370,139
V. Tài sản dài hạn khác	250		1,639,484,311	1,599,341,888
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		208,933,771	289,643,771
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.8.b	449,857,678	346,400,075
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	-
4. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	7.9	980,692,862	963,298,042
5. Tài sản dài hạn khác	255		-	-
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản	260			

dài hạn			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		106,358,069,186	132,853,486,666
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,002,188,612	4,248,745,690
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		2,002,188,612	4,248,745,690
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
1.1. Vay ngắn hạn	312		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cấu phần nợ	315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5. Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	7.28	6,259,293	-
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.34	49,949,175	1,685,374,974
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		615,093	207,296,271
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.30a	6,456,201	47,176,339

11. Phải trả người lao động	323		138,307,619	229,093,474
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		-	-
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	7.38	1,800,601,231	2,079,804,632
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		-	-
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332			
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		-	-
1.1. Vay dài hạn	342		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn	343		-	-
2. Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cầu	345			

phần nợ			-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		104,355,880,574	128,604,740,976
I. Vốn chủ sở hữu	410		104,355,880,574	128,604,740,976
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	7.43	135,000,000,000	135,000,000,000

1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		135,000,000,000	135,000,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		135,000,000,000	135,000,000,000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần	411.3		-	-
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		-	-
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		113,649,448	113,649,448
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
6. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		113,649,448	113,649,448
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	7.44	(30,871,418,322)	(6,622,557,920)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(30,871,418,322)	(6,622,557,920)
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-

II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CSH	440		106,358,069,186	132,853,486,666

- Công ty không có nợ dài hạn, chỉ có nợ ngắn hạn, các khoản nợ ngắn hạn trong năm không có biến động lớn. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của mình với khách hàng, đối tác và nhà đầu tư nên không có phải trả nợ xấu phát sinh mới trong kỳ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thực hiện việc ứng dụng triệt để Công nghệ thông tin trong các hoạt động của Công ty.
- Bổ sung, cơ cấu lại hệ thống nhân sự trong Công ty.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, quy trình nội bộ.
- Tăng cường công tác quản lý và sự phối hợp giữa các bộ phận, phòng ban trong Công ty.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh, nâng cao tinh thần trách nhiệm của nhân viên làm việc trong Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Ngắn hạn: Tiếp tục nâng cấp hạ tầng cơ sở công nghệ, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá sản phẩm, tiếp tục củng cố và phát triển thương hiệu để tăng thị phần và doanh thu, tiến tới chiếm lĩnh vị trí dẫn đầu ngành chứng khoán.

Trung và dài hạn: Mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính chất lượng hàng đầu với phong cách chuyên nghiệp và tận tâm, liên tục cải tiến trên mọi phương diện để đưa công ty dẫn đầu thị trường với định hướng toàn cầu.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

- Ý kiến kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2017: Chấp nhận toàn phần

IV. Đánh giá của HĐQT về việc hoạt động của công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Về chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Năm 2017, công ty cổ phần chứng khoán Woori CBV có nhiều cố gắng trong hoạt động kinh doanh, xong do ảnh hưởng nhiều yếu tố khách quan đặc biệt là nền kinh tế chung vẫn nằm trong chu kỳ khủng hoảng dẫn đến những khó khăn làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch kinh doanh của công ty (như trong phần báo cáo của Tổng giám đốc đã trình bày).

Phát triển mạng lưới, quản lý: Thực hiện tốt việc duy trì mạng lưới hoạt động, tăng cường hoạt động quản lý giám sát.

- **Quản trị rủi ro:** Tuân thủ nghiêm các quy định về tỉ lệ đảm bảo an toàn tài chính, an toàn hoạt động của UBCKNN.

- Hoạt động đối ngoại truyền thông: Tích cực tham gia các hoạt động đối ngoại truyền thông nhằm xây dựng thương hiệu chứng khoán Woori CBV.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2017 tiếp tục là một năm kinh tế trong nước và thế giới có những biến động phức tạp, khó lường. Trong bối cảnh đó, Ban Điều hành đã cụ thể hóa các chủ trương được ĐHĐCĐ, Hội đồng Quản trị thông qua bằng những chương trình hành động cụ thể, linh hoạt phù hợp với diễn biến môi trường kinh doanh. Công tác rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch được Ban điều hành chỉ đạo thực hiện chặt chẽ và thường xuyên, từ đó đã có những điều chỉnh phù hợp trong điều hành hoạt động kinh doanh. Các thành viên Ban Điều hành đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình, luôn hành động vì lợi ích của cổ đông, lợi ích của Nhà nước và công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2018 được dự đoán là năm kinh tế thế giới cũng như kinh tế Việt Nam có được những dấu hiệu khả quan hơn nhưng vẫn có thể diễn biến phức tạp, cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt, nảy sinh thêm nhiều thách thức mới.

Định hướng chủ đạo của năm 2018: Bám sát chiến lược đã được phê duyệt, tiếp tục củng cố vị thế dịch vụ ngân hàng đầu tư của công ty chứng khoán, đẩy mạnh hơn nữa hoạt động cung cấp các sản phẩm tư vấn trọn gói cho doanh nghiệp sẽ giúp doanh nghiệp hoạt động có tầm nhìn và kế hoạch dài hạn hơn, tránh các rủi ro tài chính và rủi ro pháp lý. Cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, các yêu cầu về sự minh bạch, sự tuân thủ chuẩn mực tài chính, kế toán và các chuẩn mực pháp lý sẽ ngày càng khắt khe.

Điều này sẽ khiến các doanh nghiệp cần nhiều hơn sự tư vấn và hỗ trợ của các nhà tư vấn chuyên nghiệp trong lĩnh vực tài chính chứng khoán.

Do vậy, Woori CBV xác định sẽ đưa ra các sản phẩm liên hoàn và bổ sung cho nhau. Ngoài việc thực hiện các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp cơ bản (như phát hành, niêm yết,..), Woori CBV sẽ chú trọng cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cao cấp như tư vấn M&A, tư vấn IR (Investor Relations – Quan hệ nhà đầu tư), đây là những dịch vụ giúp các doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng tiếp cận thị trường vốn quốc tế.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp của thành viên HĐQT

STT	Cổ đông	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%) (Đại diện Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH)
1	Shim Geepeel	Chủ tịch HĐQT	96.15%
2	Moon Young Tae	Thành viên	
3	Jin Woo Hyun	Thành viên	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban Quản trị rủi ro

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT chỉ đạo điều hành cũng như giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và bộ máy quản lý thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của HĐQT và bộ máy quản lý về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án đề trình HĐQT.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành, thông qua các báo cáo, văn bản gửi tới báo cáo HĐQT.
- Tất cả các thành viên HĐQT đều tích cực tham gia xem xét tái cấu trúc bộ máy Công ty, điều chỉnh chiến lược kinh doanh, nghiên cứu, chất vấn, góp ý, bổ sung và thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 2017 do ban giám đốc đệ trình; xem xét và đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; thực hiện chế độ công bố thông tin theo quy định.

Hàng quý, trên cơ sở Báo cáo tài chính Công ty, HĐQT và Ban kiểm soát đã kiểm tra và chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của công ty, đảm bảo đúng kế hoạch và đúng theo quy định của pháp luật.

Các cuộc họp của HĐQT:

ST T	Số nghị quyết/quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1.	012417/QĐ-HĐQT	24/1/2017	Thông qua chính sách Quản trị rủi ro 2017
2.	208/QĐ-HĐQT	20/11/2017	Thông qua phương án xử lý tài sản thiếu chờ xử lý và sẽ xử lý đây là một khoản tổn thất được trừ vào kết quả kinh doanh năm 2017
3.	209/QĐ-HĐQT	20/11/2017	Thay đổi Tổng giám đốc và Người đại diện theo Pháp luật/ 1. Miễn nhiệm Tổng giám đốc, đại diện pháp luật, giám đốc CN Hồ Chí Minh Vũ Đức Nghĩa 2. Miễn nhiệm chủ tài khoản ngân hàng Võ Thị Hồng Vân/ 3. Bổ nhiệm Tổng giám đốc-chủ tài khoản ngân hàng Jin Woo Hyun.

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
- e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Tính đến thời điểm 20/11/2017

- Ông Lâm Đức Trường - Trưởng ban
- Bà Tạ Thị Ngọc Mỹ - Thành Viên
- Ông Chung Yeon Wook - Thành viên
- Ông Jeong Byung Seok - Thành viên

Tính từ thời điểm 22/11/2017

- Bà Vũ Thị Diệu Hằng- Trưởng ban

- Ông Đinh Ngọc Bằng-Thành viên
- Ông Lee Jin Hwan – Thành viên

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát tại Woori CBV đã theo dõi trực tiếp sát sao hoạt động của công ty thông qua các buổi làm việc trực tiếp tại công ty.

Ban kiểm soát đã theo dõi và xem xét trực tiếp mọi số liệu báo cáo của Công ty nên nắm vững tình hình và hiểu rõ các hoạt động thực tế của Công ty.

Từ thực tế trên, Ban kiểm soát yên tâm với chế độ quản lý hiện nay tại công ty, tuân thủ các yêu cầu pháp luật, quy trình nghiệp vụ và minh bạch.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị: 99.687.500 VNĐ
- Ban kiểm soát tiền nhiệm: Không hưởng thù lao
- Ban giám đốc:

STT	Chức danh	Tên	Lương + Thưởng	Từ ngày
1	Tổng giám đốc	Vũ Đức Nghĩa	0 VNĐ	01/01/2017-20/11/2017
2	Tổng giám đốc	Jin Woo Hyun	0 VNĐ	20/11/2017-31/12/2017
3	Quyền Phó Tổng giám đốc	Nguyễn Văn Quang	143.250.000 VNĐ	

- a. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Có giao dịch
- b. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Có phát sinh giao dịch
- c. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện minh bạch, đạt hiệu quả tốt, và đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Ý kiến kiểm toán độc lập: (Tài liệu đính kèm trang 5-6)

2. Báo cáo kiểm toán

Bảng cân đối kế toán (Tài liệu đính kèm, trang 7-8-9-10)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Tài liệu đính kèm, trang 13-14-15)

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (Tài liệu đính kèm, Trang 16-17-18)

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Tài liệu đính kèm trang 19-20)

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tài Liệu đính kèm, Trang 21-42)

3. Kiểm toán nội bộ

Ý kiến kiểm toán nội bộ: Woori CBV tuân thủ các quy định về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo TT210/2012/TT- BTC , thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Woori CBV đã thực hiện phù hợp với Luật kế toán số 03/2003/QH11/06/2003, luật chứng khoán Luật 70/2006/QH11 và các chuẩn mực kế toán của Việt Nam, phù hợp với Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Hà nội, ngày tháng năm

TỔNG GIÁM ĐỐC



The stamp is circular and red, containing the following text: 'S.G.P. : 283 - C.A.C.P.' at the top, 'CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV' in the center, and 'Đ. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI' at the bottom. A blue ink signature is written across the stamp.

JIN WOO HYUN

MỤC LỤC

I.	Thông tin chung	1
1.	Thông tin khái quát:	1
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	2
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	2
4.	Định hướng phát triển	4
5.	Các rủi ro:	4
II.	Tình hình hoạt động trong năm.....	5
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	5
2.	Tổ chức và nhân sự	5
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	6
4.	Tình hình tài chính	6
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	8
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	9
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	12
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	12
2.	Tình hình tài chính	13
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	22
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	22
5.	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	22
IV.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	22
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	22
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....	23
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	23
V.	Quản trị công ty	23
1.	Hội đồng quản trị.....	23
2.	Ban Kiểm soát	24
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	24
VI.	Báo cáo tài chính.....	25
1.	Ý kiến kiểm toán.....	25
2.	Báo cáo kiểm toán.....	25
3.	Kiểm toán nội bộ	26